TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2017/HNGD-ST.
Ngày 22-9-2017.
V/v tranh chấp chia tài sản sau ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Trưởng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đình Nhung;

Bà Lê Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Hoàng Liêm là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 292/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp chia tài sản sau ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1972. Có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1973. Có mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Số 70, Tổ 10, ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ngân hàng A.

- Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A: Ông Lại Văn P, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Khu công nghiệp T là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A (Văn bản ủy quyền thường xuyên ngày 19/6/2014). Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Anh K, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Số 70, Tổ 10, ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2017 và trong các lời trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Nguyễn Minh C trình bày:

Anh và chị P kết hôn với nhau vào năm 1990. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì ly hôn theo Quyết định số 401/2016/QĐST-HNGĐ ngày 12/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng. Khi ly hôn, anh và chị P không yêu cầu chia tài sản chung.

Nay anh yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng gồm: Phần đất diện tích thực tế 780m^2; theo bản đồ 2005, tờ 36, thửa 63; đất tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Hiện do anh và chị P cùng đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện chị P và anh Nguyễn Anh K đang quản lý sử dụng.

Tài sản trên đất: Có một căn nhà tường xây năm 2000 chưa tô, mái lợp thiết diện tích 5 m x 13,8 m, có chữ "L" diện tích 9 m x 3 m. Cùng các tài sản sinh hoạt trong nhà và một số cây trên đất. Anh C không tranh chấp tài sản gắn liền với đất và các tài sản trong nhà, khi chia đất thuộc về ai thì người đó được quyền sở hữu.

Trong thời gian vợ chồng chung sống có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên và Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất của riêng anh đứng tên để vay vốn Ngân hàng A - Chi nhánh Khu công nghiệp T số tiền gốc 90.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Nguyện vọng anh C:

+ Đối với phần đất diện tích 780 m^2 và các tài sản trên đất; thửa 63, tờ bản đồ 36, bản đồ 2005; đất tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Anh yêu cầu được chia phần đất diện tích 402 m^2 (phần đất có căn nhà), trong đó có 66,65 m^2 đất thổ cư, trong thửa 63, tờ bản đồ 36, bản đồ 2005 và tài sản gắn liền với đất. Anh đồng ý chia cho chị P phần đất diện 378 m^2 (phần đất không có căn nhà), trong đó có 66,65 m^2 đất thổ cư, trong thửa 63, tờ bản đồ 36, bản đồ 2005.

+ Đối với phần đất diện tích 3.481,9 m^2, thửa 60, tờ bản đồ 36, bản đồ lưới 2005, đất tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh là tài sản riêng của anh nên không đồng ý chia theo yêu cầu của chị P.

+ Đối với số nợ gốc 90.000.000 đồng của Ngân hàng A anh đồng ý trả ½ số nợ gốc Ngân hàng là 45.000.000 đồng và tiền lãi suất theo hợp đồng tín dụng đối với số tiền 45.000.000 đồng.

Trong đơn khởi kiện ngày 19/6/2017 và trong các lời trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn chị Nguyễn Thị Kim P trình bày:

Chị thống nhất lời trình bày của anh C về thời gian chung sống và ly hôn, về nợ chung là đúng. Riêng về tài sản chung ngoài tài sản anh C trình bày như trên thì tài sản chung giữa chị và anh C còn có phần đất diện tích 3.481,9 m^2, thửa 60, tờ bản đồ 36, bản đồ lưới 2005, đất tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Hiện do anh Nguyễn Minh C đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang thế chấp Ngân hàng.

Nguyện vọng chị P:

+ Đối với phần đất diện tích 780 m^2 và các tài sản trên đất, chị thống nhất với nguyện vọng của anh C.

+ Đối với phần đất diện tích 3.481,9 m^2, chị yêu cầu được chia ½ diện tích đất. Các tài sản gắn liền với đất chị P không tranh chấp, khi chia đất thuộc về ai thì người đó được quyền sở hữu.

+ Đối với nợ gốc 90.000.000 đồng của Ngân hàng A chị đồng ý trả ½ số nợ gốc Ngân hàng là 45.000.000 đồng và tiền lãi suất theo hợp đồng tín dụng đối với số tiền 45.000.000 đồng.

Tại văn bản ngày 09/8/2017 đại diện hợp pháp của Ngân hàng A ông Lại Văn P trình bày:

Ngày 25/10/2017, vợ chồng anh C, chị P vay tại ngân hàng số tiền gốc 90.000.000 đồng, mục đích vay tiền để mua vật dụng sinh hoạt, thời hạn cho vay 12 tháng. Anh C, chị P có thế chấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06766 ngày 05/9/2011 và CH06468, ngày 29/4/ 2011. Hiện anh C, chị P chưa trả tiền gốc. Nay Ngân hàng A không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số nợ Ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/8/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Anh K trình bày:

Anh là con ruột của anh C và chị P, hiện anh đang ở chung nhà của cha mẹ. Nay cha mẹ yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, anh không có ý kiến gì. Nguyện vọng của anh đồng ý trả lại tài sản khi cha mẹ phân chia.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C chia tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 780 m^2 theo sự thỏa thuận của các đương sự. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P đối với yêu cầu chia tài sản là quyền sử dụng đất diện tích

3.481,9 m^2, thửa 60, tờ bản đồ số 36, bản đồ 2005, đất tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh C và chị P kết hôn với nhau vào năm 1990, có đăng ký kết hôn ngày 18/12/1997. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì ly hôn theo Quyết định số 401/2016/QĐST-HNGĐ ngày 12/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng. Khi ly hôn, anh chị không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, để tự thỏa thuận phân chia nhưng anh chị không thỏa thuận phân chia được. Nay anh chị yêu cầu Tòa án chia tài sản chung.

[2] Về tài sản chung của anh C, chị P đã thống nhất gồm:

Quyền sử dụng đất theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, phần đất diện tích 780 m^2, thửa 63, tờ 36, bản đồ 2005, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Tứ cận: Phía Đông giáp đất bà R dài 32,56 m; Phía Tây giáp đường đi nội bộ nhà ông H dài 28,7 m; Phía Nam giáp phần đất đang tranh chấp thửa số 60, tờ bản đồ 36 dài 24,47 m; Phía Bắc giáp đường H dài 27 m. Hiện nay chị P và anh Nguyễn Anh K đang quản lý sử dụng, có giá trị thực tế theo kết quả định giá là 1.080.000.000 đồng. Anh C, chị P được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06766 ngày 05/9/2011 hiện đang thế chấp tại Ngân hàng A – Chi nhánh Khu công nghiệp T.

Tài sản trên đất: Một căn nhà tường xây năm 2000 chưa tô, mái lợp thiết diện tích 5m x 13,8m, có chữ "L" diện tích 9m x 3m, cùng các tài sản trong nhà và cây trồng trên đất. Anh C không tranh chấp, khi chia đất thuộc về ai thì người đó sử dụng.

[3] Tài sản anh C cho rằng là tài sản riêng của anh, chị P cho rằng là tài sản chung gồm:

Quyền sử dụng đất theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ diện tích 3.481,9 m^2, thửa 60, tờ bản đồ số 36, bản đồ 2005, đất tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Hiện anh C đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH06468, ngày 29 tháng 4 năm 2011. Tứ cận: Phía Đông giáp đất bà R dài 160,12 m; Phía Tây giáp đất ông H dài 33,75 m + 19,42 m + 13,54 m + 29,61 m + 55,0 m; Phía Nam giáp rạch T dài 25 m; Phía Bắc giáp thửa đất 63, tờ bản đồ 36 (phần đất đang tranh chấp) dài 24,47 m. Có giá trị thực tế theo kết quả định giá là 174.096.000 đồng.

[4] Nguồn gốc quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 3.481,9 m^2. Anh C và chị P đều thống nhất là do anh C được nhận thừa kế từ cha mẹ anh C. Anh C

đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06468, ngày 29 tháng 4 năm 2011 cho một mình anh C đứng tên. Sau khi anh C nhận thừa kế cho đến nay anh không nhập vào khối tài sản chung của vợ chồng. Chị P biết anh C được cấp giấy một mình anh C đứng tên nhưng không có ý kiến gì. Chị P cho rằng diện tích đất 3.481,9 m^2 là tài sản chung của vợ chồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, Điều 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị P.

Đối với tài sản chung anh C, chị P đã thống nhất và có cùng có nguyện vọng được chia hiện vật. Trong đó anh C nhận phần đất có căn nhà và chị P nhận phần đất còn lại, tài sản gắn liền với đất thuộc phần đất được chia của ai thì người đó được quyền sở hữu. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận của anh C, chị P là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận của anh chị. Chia cho anh C được sử dụng phần đất diện tích 402 m^2, trong đó có 66,65 m^2 đất thổ cư, trong thửa 63, tờ bản đồ số 36, tờ bản đồ 2005 và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Chia cho chị P phần đất diện 378 m^2, trong đó có 66,65 m^2 đất thổ cư, trong thửa 63, tờ bản đồ 36, bản đồ 2005 và được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất. Tài sản mỗi người được chia có giá trị 1.080.000.000/2 = 540.000.000 đồng.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 1.500.000 đồng anh C nhận chịu nên ghi nhận.

[7] Anh C, chị P được chia tài sản chung nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia. Chị P yêu cầu chia tài sản nhưng không được tòa án chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 5, 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 43, 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5, 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Minh C và chị Nguyễn Thị Kim P như sau:

Anh Nguyễn Minh C được quyền sử dụng phần đất diện tích 402 m^2, trong đó có 66,65 m^2 đất thổ cư, trong thửa 63, tờ bản đồ 36, bản đồ 2005, tứ cận: Phía Đông

giáp đất bà R dài 32,56 m; Phía Tây giáp phần đất chia cho chị P dài 30,6 m; Phía Nam giáp phần đất đang tranh chấp thửa số 60 dài 12,27 m; Phía Bắc giáp đường H dài 13,5 m và được sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06766 ngày 05/9/2011 do anh C, chị P đứng tên.

Chị Nguyễn Thị Kim P được quyền sử dụng phần đất diện tích 378 m^2, trong đó có 66,65 m^2 đất thổ cư, trong thửa 63, tờ bản đồ 36, bản đồ 2005, tứ cận: Phía Đông giáp phần đất chia cho anh C dài 30,6 m; Phía Tây giáp đường đi nội bộ nhà ông H dài 28,7 m; Phía Nam giáp phần đất đang tranh chấp thửa số 60 dài 12,2 m; Phía Bắc giáp đường H dài 13,5 m và được sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06766 ngày 05/9/2011 do anh C, chị P đứng tên.

Anh C, chị P được yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi đã thực hiện xong nghĩa vụ đảm bảo trả nợ vay cho Ngân hàng.

2. Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của bà Nguyễn Thị Kim P đối tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 3.481,9 m^2, thửa 60, tờ bản đồ số 36, bản đồ 2005, đất tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

3. Tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ anh C nhận chịu 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng; anh C đã nộp xong.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu 25.600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận. Tổng cộng 25.900.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 1.220.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009009 ngày 26/6/2017 của C Cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị P còn phải nộp tiếp án phí dân sự sơ thẩm là 24.680.000 (hai mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn) đồng.

Anh Nguyễn Minh C phải chịu 25.600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 5.625.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008830 ngày 17/5/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; anh C còn phải nộp tiếp án phí dân sự sơ thẩm là 19.975.000 (mười chín triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TA Tây Ninh;
- VKS H. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H. Trảng Bàng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Văn Trưởng